TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B-TỈNH BÌNH PHƯỚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Đình Hiệu
Bà: Điểu Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm: 1989 *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M - sinh năm: 1978 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ*:* Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Chị và anh Trần Văn M kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 22/02/2010. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến xô sát, anh Trần Văn M thường thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Trần Văn M không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do đó, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị nhận thấy, vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị Lưu Thị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M có với nhau 01(Một) người con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 30/8/2010, hiện đang sống cùng với chị Lưu Thị T. Chị Lưu Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quốc B cho đến trưởng thành, tự lao động được, không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lưu Thị T trình bày không có.

Bị đơn anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Văn M không đến làm việc.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Trần Văn M và giao con chung là Trần Quốc B cho chị Lưu Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tự lao động được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị T thuộc trường hợp *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Anh Trần Văn M vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2010 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, xô sát nhau, anh Trần Văn M thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc gia đình, con cái.

Đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với ông Vũ Quốc Tuấn là Trưởng Thôn 5, xã A, huyện B, ông cho biết gia đình vợ chồng anh Trần Văn M và chị Lưu Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong quá trình chung sống giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M, thường xảy ra những mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng hiện không còn sống chung. Mẹ ruột của chị Lưu Thị T là bà Bạch Thị Thành cũng cho biết giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M có xảy ra mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, chị Lưu Thị T và con đang sống chung với bà.

Nên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lưu Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Lưu Thị T và anh Trần Văn M có với nhau 01(Một) người con chung là Trần Quốc B, sinh ngày 30/8/2010, hiện đang sống cùng với chị Lưu Thị T. Do anh Trần Văn M thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm chăm sóc giao dục con chung và tại biên bản tự ghi lời khai cháu Trần Quốc B là có nguyện vọng được sống chúng với chị Lưu Thị T. Xét nguyện vọng của cháu Trần Quốc B phù hợp với yêu cầu của chị Lưu Thị T là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quốc B cho đến trưởng thành, tự lao động được, không yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con, để đảm B sự sinh hoạt phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Trần Quốc B. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị Lưu Thị T. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Lưu Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Lưu Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội. Nguyên đơn chị Lưu Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lưu Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. *Về con chung:* Giao 01(một) con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 30/8/2010 cho chị Lưu Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Trần Quốc B trưởng thành, tự lao động được. Anh Trần Văn M không cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Lưu Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lưu Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017013 ngày 17/9/2019.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết công khai tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trần Văn Lượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.